

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN THỰC HIỆN NĂM 2023**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023 ĐÃ BỐ TRÍ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí đã bố trí
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ chuyển nguồn từ 2022 sang 2023</b>			<b>190.602,12</b>	<b>84.814</b>
1	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu và số hóa thông tin quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	2023	8.415,66	6.800
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2023	21.600	10.000
3	Số hóa cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng sử dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Xây dựng	2022-2023	9.993,96	3.000
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu phòng quản lý xây dựng, phòng cấp phép xây dựng và phòng nhà ở và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	2022-2023	12.050,89	1.930

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nhu cầu kinh phí</b>	<b>Kinh phí đã bố trí</b>
5	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS, phục vụ phát triển đô thị thông minh	Sở Xây dựng	2022-2023	14.858,98	700
6	Số hóa tài liệu di sản văn hóa và tài liệu quý tại Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố Hải Phòng	Sở Văn hóa và Thể thao	2023	10.993,07	8.800
7	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu Nông sản thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2023	10.464	6.000
8	Số hóa hồ sơ tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2023	12.647	3.900
9	Bổ sung nhiệm vụ chuyển đổi số trong tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ điều tra giám sát đa dạng sinh học tại Khu DTSQ Cát bà	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022-2023	2.380	1.200
10	Số hoá hồ sơ nghiệp vụ an ninh	Công an thành phố	2023	10.000	10.000
11	Số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống lưới điện hiện trạng từ cấp điện áp 110kV trở lên trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Công Thương	2022-2023	6.388	760

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nhu cầu kinh phí</b>	<b>Kinh phí đã bố trí</b>
12	Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng	Sở Công Thương	2022-2023	14.799	1000
13	Xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu Công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng	Sở Công Thương	2022-2023	566	100
14	Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý An toàn thực phẩm	Sở Y tế	2023-2024	2.400	2.000
15	Xây dựng tòa soạn điện tử	Báo Hải Phòng	2023	8.000	6.400
16	Số hóa cơ sở dữ liệu ngành Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2023	5.649	1.500
17	Cơ sở dữ liệu tổng hợp về khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	2023	10.820	8.000
18	Cơ sở dữ liệu về hàng hóa công bố hợp chuẩn, hợp quy tại Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	2023	374	300
19	Cơ sở dữ liệu bảo tồn, khai thác nguồn gen quý hiếm, có giá trị của Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	2023	835	700
20	Nâng cấp hạ tầng Hệ thống thư điện tử công vụ	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	2023	1.732	866
21	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử thành phố.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	2023	1.924	758

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí đã bố trí
22	Mở rộng Hệ thống Quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành HpNet-eOffice	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	2023	984	800
23	Nâng cấp hệ thống dữ liệu dùng chung, tích hợp lên hệ thống phần mềm điện tử e-Heza; Xây dựng ứng dụng e-Heza sử dụng trên điện thoại di động thông minh	Ban Quản lý Khu kinh tế	2023	1.618,56	1.300
24	Triển khai đề án ký số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm điện tử, học bạ điện tử của ngành.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ CNTT 5 năm	13.030	5.000
25	Triển khai CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ CNTT 5 năm	8.079	3.000
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ đã bố trí nguồn kinh phí 2023 theo Quyết định 4268/QĐ-UBND</b>			<b>1.030.674,22</b>	<b>261.021</b>
1	Đề án phần mềm lưu trữ hồ sơ (Sở Nội vụ)	Sở Nội vụ	2022-2023	14.962	6.500
2	Số hóa tài liệu và xây dựng phần mềm	Các sở, ngành	2023	20.000	20.000
3	Dự án “Xây dựng tổng thể hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai”.	Sở Tài nguyên và Môi Trường	2022-2025	857.000	150.000
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai, giai đoạn I.	Sở Tài nguyên và Môi Trường	20102023	79.059	36.021

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nhu cầu kinh phí</b>	<b>Kinh phí đã bố trí</b>
5	Truyền thanh số	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	15.000	15.000
6	Các nhiệm vụ phát triển CNTT năm 2023	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	30.000	30.000
7	Số hóa tài liệu lịch sử giai đoạn 2	Sở Nội vụ	2023	14.653,22	3.500
	<b>TỔNG</b>			<b>1.221.276,34</b>	<b>345.835</b>

**B. CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023 CẦN BỔ SUNG NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí năm 2023 cần bổ sung
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ thuộc Kế hoạch Chuyển đổi số 2022 (Kế hoạch 74/KH-UBND) đã hủy nguồn 2022, đề xuất tiếp tục triển khai trong 2023</b>			<b>113.226</b>	<b>17.251</b>
1	Số hóa các kết luận thanh tra từ 2010 đến nay, xây dựng cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra trên địa bàn thành phố	Thanh tra thành phố	2023	6.000	4.800
2	Số hoá, cập nhật bản kê khai tài sản của cán bộ, công chức trong diện kê khai từ 2018 đến 2021. Xây dựng CSDL quản lý công tác kê khai, kiểm soát tài sản thu nhập	Thanh tra thành phố	2023	2.500	2.000
3	Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân trên địa bàn thành phố	Sở Y tế	Thuê dịch vụ CNTT 5 năm	13.600	1.900
4	Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý Y tế cơ sở	Sở Y tế	Thuê dịch vụ CNTT 5 năm	13.600	2.071
5	Nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ sở Khám chữa bệnh	Sở Y tế	2022 - 2025	22.000	168

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nhu cầu kinh phí</b>	<b>Kinh phí năm 2023 cần bổ sung</b>
6	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	2023 - 2024	28.000	200
7	Xây dựng hệ thống kiểm soát giao thông công cộng năm 2022	Sở Giao thông vận tải	2023 - 2024	3.135	150
8	Phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động vận tải tại các cảng, bến thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	2023 - 2024	3.277	110
9	Triển khai hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (Cổng chính và 800 cổng thành phần, bảo đảm kết nối với Cổng thành phố)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ CNTT 5 năm	7.914	1.500
10	Tổng đài 1022	Văn phòng UBND thành phố	Thuê dịch vụ CNTT 3 năm	6.300	1.578
11	Hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND thành phố	Thuê dịch vụ CNTT 3 năm	5.900	1.774

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí năm 2023 cần bổ sung
12	Phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đồng bộ, liên thông từ HĐND thành phố đến HĐND cấp huyện, cấp xã,	Hội đồng nhân dân thành phố	2023	1000	1.000
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ triển khai trong 2023 đã có chủ trương (QĐ 284/QĐ-UBND và KH 74/KH-UBND điều chỉnh)</b>			<b>45.010</b>	<b>13.812</b>
1	Triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê các chỉ tiêu về chuyển đổi số, gồm năng suất lao động, đóng góp GRDP, số lượng doanh nghiệp số...	Cục Thống kê	2023	500	500
2	Xây dựng bộ tiêu chí về văn hóa số của người Hải Phòng văn minh, lịch sự trên môi trường số.	Sở Văn hóa và Thể thao	2023	300	300
3	Thực hiện chuyển đổi số về du lịch huyện Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	2023	20.000	5.000
4	Nâng cấp Website quảng bá du lịch thành Cổng thông tin du lịch thông minh	Sở Du lịch	2023 - 2024	6.000	3.000
5	Số hóa hình ảnh và thuyết minh tại một số điểm du lịch trên địa bàn thành phố	Sở Du lịch	2023 - 2024	5.000	2.000
6	Xây dựng Cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2023 - 2025	3.310	1.272



Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí năm 2023 cần bổ sung
7	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2023 - 2025	1.900	740
8	Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông tin công chứng	Sở Tư pháp	2023 - 2024	8.000	1.000
<b>III</b>	<b>Nhiệm vụ các Sở ngành, địa phương, các cơ quan Đảng, đoàn thể đề xuất mới</b>			<b>94.614,2</b>	<b>30.070</b>
1	Chỉnh lý, số hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2023	600	600
2	Hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa của Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	2023 - 2024	7.500	2.000
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ	Sở Nội vụ	2023 - 2025	5.500	1.900
4	Số hóa, tạo lập dữ liệu bản đồ hệ thống đê điều, thủy lợi và phòng chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023	2.000	1.000
5	Xây dựng hệ thống Sàn giao dịch việc làm online.	Sở LĐTBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng)	2023	921,2	500

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nhu cầu kinh phí</b>	<b>Kinh phí năm 2023 cần bổ sung</b>
6	Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố Hải Phòng.	Sở Tài nguyên và Môi Trường	2023 - 2025	9.853	1.000
7	Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý không gian thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023 - 2025	29.770	10.570
8	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lĩnh vực đối ngoại	Sở Ngoại vụ	2023 - 2025	2.800	1.000
9	Xây dựng phần mềm giám sát, quản lý thông tin trên mạng Internet, mạng xã hội, báo chí trong và ngoài nước	Ban Tuyên giáo Thành uỷ	2023	2.140	1.500
10	Nâng cấp cơ sở dữ liệu điện tử, số hoá lịch sử Đảng bộ Hải Phòng	Ban Tuyên giáo Thành uỷ	2023	830	500
11	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu theo dõi thực hiện các Nghị quyết thuộc lĩnh vực khoa giáo	Ban Tuyên giáo Thành uỷ	2023	1.350	1000
12	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử Thành uỷ, xây dựng các cổng thành phần (trên mạng nội bộ, Internet)	Văn phòng Thành uỷ	2023	1.850	1000

<b>Stt</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nhu cầu kinh phí</b>	<b>Kinh phí năm 2023 cần bổ sung</b>
13	Triển khai số hoá tài liệu trong cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (tại Kho Lưu trữ Thành ủy từ khóa VIII đến khóa XV)	Văn phòng Thành ủy	2023 - 2025	2.500	1000
14	Xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi, giám sát, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Văn phòng ĐDBQH và HĐND thành phố	2023	5.000	2000
15	Xây dựng và triển khai ứng dụng "Hướng Công - Công đoàn Hải Phòng"	Liên Đoàn Lao động thành phố	2023	2.000	1.500
16	Chuyển đổi số liên ngành trong quản lý logistics (giai đoạn 1)	Sở Giao thông vận tải	2023	20.000	3.000
	<b>TỔNG</b>			<b>252.850,20</b>	<b>61.133</b>

### C. CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Đã phân bổ năm 2022	Kinh phí năm 2023
1	Dự án “Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (VILG).	Sở Tài nguyên và Môi Trường	2017-2023	102.270	88.300	14.700
2	Triển khai dự án thực hiện một số nội dung xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	308.220	2.506	226.400
3	Xây dựng Đài Phát thanh và Truyền hình trở thành cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực theo hướng đa nền tảng, đa dịch vụ và mang tính cá nhân hóa.	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	60.000	0	60.000
4	Phát triển hạ tầng số dùng chung các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2024	31.236	0	31.236
5	Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh.	Sở Giao thông vận tải	2023-2024	59.245	1.650	620
6	Triển khai hệ thống Bệnh án điện tử	Sở Y tế	2022-2025	175.000	2.000	858
	<b>TỔNG</b>			<b>735.971</b>	<b>94.456</b>	<b>333.814</b>